

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

MAI HỮU BÓN*

1. Kết quả phát triển các khu công nghiệp vùng Đông Nam Bộ thời gian qua

Vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, bao gồm: TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang. Đây là vùng kinh tế trọng yếu, đóng góp đặc biệt quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng và các mối quan hệ đối ngoại, vùng đảm nhiệm chức năng đầu mối giao lưu với khu vực và thế giới, đi đầu trong hội nhập quốc tế của cả nước.

Đông Nam Bộ là vùng có số lượng khu công nghiệp (KCN) lớn, với 118 KCN, chiếm 33,9% số KCN của cả nước¹, sau đồng bằng sông Hồng (lớn nhất cả nước với 274 cụm, KCN)². Điển hình về xây dựng và phát triển các KCN là các tỉnh, thành phố: Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Long An. Các KCN thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu đã có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, đây còn là trung tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ hàng đầu cả nước.

Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29/8/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) đã nhấn mạnh việc chú trọng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Hiện

nay, theo quy hoạch đã được phê duyệt, tỉnh Đồng Nai có 32 KCN; tỉnh Bình Dương có 32 KCN đã đi vào hoạt động và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang trở thành điểm sáng về tốc độ phát triển công nghiệp, hiện toàn tỉnh có 13 KCN được phê duyệt và đang đề xuất thêm 6 KCN; TP. Hồ Chí Minh có 19 KCN và khu chế xuất; trong vùng Đông Nam bộ, tỉnh có nhiều KCN nhất là Đồng Nai và Bình Dương, ít KCN nhất vùng là tỉnh Bình Phước có 15 KCN³.

Trong giai đoạn phát triển mới, nhiều địa phương của vùng đã có sự chuẩn bị kịp thời cho hợp tác kinh tế quốc tế, đó là phát triển công nghiệp gắn liền với phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới, sáng tạo. Cụ thể: các ban quản lý KCN, khu chế xuất, khu kinh tế của tỉnh Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Dương đã ký thỏa thuận hợp tác với Ban Quản lý khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, hình thành mạng lưới tổ chức, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, phục vụ các nhà đầu tư trong vùng (vì TP. Hồ Chí Minh là nơi đào tạo, cung cấp nhân lực trình độ cao cho toàn vùng). Mỗi năm, có hơn 500 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố đã cung ứng cho thị trường lao động khoảng 500.000 sinh viên tốt nghiệp. Hiện nay, TP. Hồ Chí Minh đang tập trung nâng cao chất lượng, chuẩn hóa việc đào tạo nhân lực trình độ cao thuộc 8 ngành dịch chuyển lao động tự do trong khối ASEAN và các ngành công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Nam Bộ⁴.

* TS, Học viện Hành chính Quốc gia

Cùng với việc đẩy mạnh khoa học - công nghệ, các KCN cũng khẩn trương nắm bắt thời cơ, thuận lợi và thế mạnh của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nền kinh tế biển đặc trưng, chẳng hạn: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang phát triển ngành công nghiệp cảng biển, khai thác, chế biến dầu khí, đánh bắt thủy - hải sản, dịch vụ, thương mại, logistics. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quy mô kinh tế của tỉnh đến năm 2020 đạt 309.730 tỷ đồng, gấp 3 lần so với năm 2005 (nằm trong số 4 địa phương đứng đầu của vùng); quy mô GRDP trên địa bàn tỉnh năm 2021 xếp top đầu của 63 tỉnh, thành phố; chất lượng cuộc sống người dân ngày một nâng cao...⁵.

Thu hút đầu tư vào các KCN vùng Đông Nam Bộ luôn được đặc biệt quan tâm, cụ thể: tỉnh Bình Phước đã phát triển mạnh mẽ với tỷ trọng ngành Công nghiệp đến nay chiếm 42,3%. Năm 2021, tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 6,32%, cao nhất vùng Đông Nam Bộ và đứng thứ 20 cả nước. Theo đó, đã góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho nhiều lao động, đóng góp tích cực vào ngân sách. Toàn tỉnh hiện có 15 KCN với tổng diện tích 4.686 ha, trong đó 11 KCN đã được đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng và đi vào hoạt động. Thông qua các KCN, tỉnh đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước⁶.

Tiếp đến là tỉnh Bình Dương, sau 25 năm phát triển đã trở thành địa phương năng động, có kinh tế và công nghiệp phát triển, là điểm sáng thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Hiện nay, tỉnh đã trở thành thủ phủ công nghiệp của khu vực miền Nam nói riêng và cả nước Việt Nam nói chung. Tỉnh có 32 KCN với tổng diện tích lên đến 12.670,5 ha và tỷ lệ lấp đầy bình quân 87,4%. Một số KCN nổi trội như VSIP, VSIP2, Mỹ Phước và Đồng An⁷. Các KCN trong tỉnh đã thu hút 2.342 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 26 tỷ USD, cùng 672 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 86.810 tỷ đồng. Năm 2022, Ban quản lý các KCN tỉnh đưa ra mục tiêu thu hút

khoảng 1,3 tỷ USD vốn FDI⁸. Mô hình xây dựng KCN Bình Dương cũng trở thành hình mẫu về cơ sở hạ tầng, khả năng thu hút đầu tư, quản lý sản xuất và bảo vệ môi trường cho các địa phương khác của Việt Nam.

2. Một số hạn chế và bất cập

Những kết quả và nhiều mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đã đạt được theo Nghị quyết số 53-NQ/TW đề ra là đáng ghi nhận, tuy nhiên, những kết quả này chưa thật sự tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng.

Mối liên kết, hợp tác phát triển các KCN trong vùng còn nhiều hạn chế, chính quyền mỗi địa phương có cách thu hút nhà đầu tư khác nhau, nơi rải thảm đỏ, nơi đổi đất lấy hạ tầng, thậm chí có nơi còn giảm thuế thuê đất trái với quy định của pháp luật, tạo ra những kẽ hở, cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các địa phương trong vùng. Chủ trương, chính sách và các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tổ chức triển khai thực hiện còn chậm, không đồng bộ và không kịp thời cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Các địa phương trong vùng đã gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, thách thức trong quá trình phát triển, như: hạ tầng giao thông kết nối chất lượng kém, thu hút đầu tư dàn trải, đào tạo nguồn nhân lực, lao động còn yếu và thiếu..., dẫn đến tình trạng bất cập về an sinh xã hội, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Thực tế, những năm qua, việc triển khai “xanh hóa” các KCN đã được mở rộng, tuy nhiên phải tới 2 năm trở lại đây (do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và cạnh tranh thương mại), các doanh nghiệp mới quan tâm và đầu tư cho công tác này. Một thực trạng hiện nay, tại các KCN được hình thành từ sớm (như các KCN ở TP. Hồ Chí Minh có từ những năm 90 nên nhiều doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN có công nghệ lạc hậu, sử dụng lãng phí nguồn nhân lực, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao). Điều này cho thấy đang đặt ra nhiều thách thức đối với

các KCN, bắt buộc các KCN không thể theo mô hình có sẵn, như: có quỹ đất, hạ tầng kết nối, thu hút doanh nghiệp đến thuê đất như hiện tại mà cần phải có những đột phá, nhất là chú trọng đến KCN xanh, một hệ sinh thái bền vững.

Với xu hướng toàn cầu hóa, xu hướng các quốc gia ký với nhau nhiều hiệp định thương mại tự do, những ưu đãi về thuế quan, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp..., sẽ là những điều khoản hầu như được áp dụng cho mọi vùng lãnh thổ của quốc gia, cơ quan quản lý các KCN, khu chế xuất, khu kinh tế. Đây vừa là cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức đòi hỏi vùng phải tự xác định cho mình mô hình quản lý tạo ra sự thông thoáng, thuận lợi, ít tốn kém nhất về thời gian (để không bỏ lỡ cơ hội đầu tư; chi phí cơ hội sẽ không bị mất đi...); nhất là sức hấp dẫn về hạ tầng và điều kiện cung cấp các loại dịch vụ để thu hút nhiều nhà đầu tư.

3. Giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển đồng bộ các khu công nghiệp vùng Đông Nam Bộ

Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 53-NQ/TW, các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, các tỉnh ủy, thành ủy trong vùng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt các nhiệm vụ về phát triển kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, chú trọng nâng cao văn hóa - xã hội, tăng cường bảo vệ quốc phòng - an ninh... Trong đó, tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả; phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng, hàm lượng công nghệ cao, thu hút lao động có trình độ khoa học - kỹ thuật, tay nghề chuyên môn cao...; đồng thời, tăng cường liên kết vùng, xây dựng không gian kinh tế thống nhất nhằm phát huy lợi thế so sánh của mỗi tỉnh, thành phố và toàn vùng, tạo sự

phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau có hiệu quả giữa các địa phương.

Các tỉnh cần liên kết hình thành những khu chế xuất, KCN thành khu kinh tế giá trị gia tăng. Cần có tổ chức, cơ chế cho mọi mặt đời sống xã hội ngay trong các KCN để có thể phát triển mạnh mẽ thành trung tâm đổi mới, sáng tạo. Đây là động lực cho sự phát triển của cả vùng Đông Nam Bộ và TP. Hồ Chí Minh.

Thứ hai, cần tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm phát triển cân đối, đồng bộ. Duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tạo chuyển biến rõ rệt về chất, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả các ngành kinh tế, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, đóng góp hiệu quả vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của cả nước.

Thứ ba, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực (nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao) đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế cho vùng và cho cả nước.

Thứ tư, Bộ Xây dựng đã đề xuất gói tín dụng hỗ trợ thực hiện chính sách nhà ở xã hội trong Chương trình phục hồi kinh tế bền vững đến năm 2023. Trong đó, “Gói tín dụng 65.000 tỷ đồng” bao gồm: gói tín dụng 15.000 tỷ đồng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025; cấp bù lãi suất 1.000 tỷ đồng cho các ngân hàng thương mại do Nhà nước chỉ định cho các chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và cho các đối tượng cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội vay theo quy định. Chính quyền địa phương cấp tỉnh trong vùng cần xây dựng cơ chế, chính sách khai thác hiệu quả nguồn vốn nêu trên cho nhà ở công nhân, như về quy hoạch, quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải bố trí đất làm nhà lưu trú cho công nhân KCN thuê (bảo đảm đáp ứng tối thiểu 50% số lượng công nhân có nhu cầu về nhà ở), có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ khu nhà ở công nhân.

(Xem tiếp trang 105)